

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123,650,014,551	115,472,803,658
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6,417,924,988	1,161,743,623
1.Tiền	111	(1)	6,417,924,988	1,161,743,623
2.Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,500,000,000	-
1.Đầu tư ngắn hạn	121		21,500,000,000	-
2.Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28,467,446,165	21,510,325,493
1.Phải thu khách hàng	131		26,997,532,768	21,786,227,650
2.Trả trước cho người bán	132		2,319,260,517	191,745,800
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Các khoản phải thu khác	135	(2)	44,190,000	326,628,000
6.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(893,537,120)	(794,275,957)
IV.Hàng tồn kho	140		60,814,967,079	92,530,693,600
1.Hàng tồn kho	141	(3)	60,814,967,079	92,530,693,600
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		6,449,676,319	270,040,942
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4)	409,044,577	4,817,100
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	64,389,076
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		89,927,365	68,234,766
5.Tài sản ngắn hạn khác	158	(5)	5,950,704,377	132,600,000
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77,953,369,393	89,313,296,060
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.Tài sản cố định	220		76,678,369,393	88,323,296,060
1.Tài sản cố định hữu hình	221	(6)	76,677,923,018	88,323,296,060
- Nguyên giá	222		180,751,299,492	178,704,240,619
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104,073,376,474)	(90,380,944,559)
4.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		446,375	-
III.Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-

- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,275,000,000	990,000,000
1.Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.Đầu tư dài hạn khác	258		1,972,000,000	1,972,000,000
4.Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(697,000,000)	(982,000,000)
V.Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1.Chí phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		201,603,383,944	204,786,099,718
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-NỢ PHẢI TRẢ	300		79,073,943,817	81,280,477,547
I.Nợ ngắn hạn	310		42,846,519,715	35,414,093,169
1.Vay và nợ ngắn hạn	311	(7)	21,258,603,881	11,992,918,658
2.Phải trả người bán	312		1,499,559,622	7,208,743,190
3.Người mua trả tiền trước	313		201,647,481	4,612,171
4.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(8)	2,456,418,951	1,599,996,945
5.Phải trả người lao động	315		3,328,603,809	2,163,460,872
6.Chí phí phải trả	316	(9)	581,488,821	330,326,420
9.Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(10)	13,520,197,150	12,114,034,913
II.Nợ dài hạn	330		36,227,424,102	45,866,384,378
1.Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.Vay và nợ dài hạn	334	(11)	36,211,980,410	45,850,940,686
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15,443,692	15,443,692
7.Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122,529,440,127	123,505,622,171
I.Vốn chủ sở hữu	410	(12)	122,255,675,651	122,749,554,898
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		81,976,420,000	52,953,240,000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412		24,080,701,449	40,080,701,449
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.Cổ phiếu quỹ	414		(317,001,000)	(313,480,000)
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.Quỹ đầu tư phát triển	417		5,720,061,376	14,325,785,804
8.Quỹ dự phòng tài chính	418		3,401,240,948	2,482,412,109
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		141,101,536	121,284,750
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,253,151,342	13,099,610,786
11.Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		273,764,476	756,067,273

1.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		273,764,476	756,067,273
2.Nguồn kinh phí	432		-	-
3.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		201,603,383,944	204,786,099,718

Kế Toán Trưởng

Ngày .30. tháng .09. năm .2009.

Giám Đốc

VÕ NGỌC HUỲNH THU

TRỊNH HỮU MINH